

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2024/HNGĐ-ST

Ngày 24-9-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trương Xuân Vũ;

2- Ông Hoàng Văn Khiếu.

Thư ký phiên tòa Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên tòa Bà Hoàng Thị Cẩm Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2024/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Đ** 37 tuổi

Địa chỉ: Thôn G- xã KT- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Tr** 33 tuổi

Địa chỉ: Thôn G- xã KT- huyện L- tỉnh Y, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 26-7-2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Phạm Thị Đ trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Tr kết hôn tháng 3 năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã KT- huyện L- tỉnh Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do quan điểm, tính cách không hợp nhau. Tháng 02 năm 2024 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, anh Tr có tính gia trưởng, mãi chơi, không chịu làm ăn, thường xuyên đi đánh bài, bị thua về xin tiền chị không cho lại đánh chị. Vợ chồng hay xảy ra cãi chửi nhau. Rất nhiều lần chị có ý định ly hôn nhưng vì thương con chị phải cam chịu. Hai người sống ly thân từ tháng Giêng năm 2024, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã L Th sinh sống. Xác định không còn tình cảm chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Chị và anh Tr có một con

chung là Nguyễn Thị Kim C sinh ngày 09-9-2015 hiện đang ở cùng bố. Ly hôn chị sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C vì cháu rất muốn đi theo mẹ, anh Tr không có khả năng nuôi con; chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị đang làm tại Thôn Nguyễn, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 07 triệu đến 08 triệu đồng. Nếu được quyền nuôi con chị sẽ thu xếp cho con học hành ổn định sau đó mới đi làm tiếp. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y đã ra văn bản thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn Tr vắng mặt nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục pháp luật quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn được triệu tập nhưng không đến giải quyết là chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Phạm Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr; giao con chung cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Phạm Thị Đ và anh Nguyễn Văn Tr là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; các đương sự có địa chỉ thường trú tại xã KT- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được triệu tập, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Văn Tr vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Đ và anh Nguyễn Văn Tr kết hôn năm 2014, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Kết quả xác minh tại địa phương

cơ bản phù hợp với lời khai của nguyên đơn cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong thời gian qua vợ chồng chị Đ- anh Tr không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau... Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra văn bản thông báo và triệu tập nhiều lần nhằm hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Tr không có mặt tham gia các phiên hòa giải đã thể hiện không còn thiện chí tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này nữa. Chị Phạm Thị Đ khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn; hai người cũng đã có thời gian dài sống ly thân. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Đ và anh Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Đ có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị Đ và anh Nguyễn Văn Tr có một cháu là Nguyễn Thị Kim C sinh ngày 09-9-2015. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Đ đề nghị được nuôi cháu C, không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì “*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Theo kết quả xác minh, tại xã KT anh Tr làm nghề tự do, bản thân từng bị tai nạn nên sức khỏe không được tốt; gia đình thuộc diện hộ nghèo, điều kiện, khả năng nuôi con tương đối khó khăn. Tại xã Lâm Thượng gia đình bố mẹ chị Đ có 06 nhân khẩu, hiện tại bố mẹ chị Đ còn khỏe, các em chị Đ thường xuyên đi làm xa; gia đình không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo; trường học gần nhà nên điều kiện đi lại học hành của các cháu rất thuận lợi.

Trong biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Thị Kim C có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Tr không có mặt để thể hiện quan điểm về vấn đề nuôi con; cháu C là con gái nên rất cần sự gần gũi, chăm sóc của người mẹ. Do đó cần giao con cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Do chị Đ không yêu cầu nên anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Chị Đ không yêu cầu nên việc giải quyết không đặt ra.

[5] Về án phí Chị Phạm Thị Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Phạm Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; giao cháu Nguyễn Thị Kim C sinh ngày 09-9-2015 cho chị Phạm Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Văn Tr không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về án phí Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Phạm Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Xác nhận chị Đ đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2023/0001928 ngày 26-7-2024.

4- Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Phạm Thị Đ có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5- Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã KT;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô